

THÔNG TƯ

**Quy định về nội quy phiên tòa, phiên họp
và việc ghi âm lời nói, ghi hình ảnh diễn biến phiên tòa, phiên họp**

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 81/2025/QH15, Luật số 106/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 142/2025/QH15 và Luật số 150/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 02/2021/QH15, Luật số 34/2024/QH15, Luật số 59/2024/QH15, Luật số 99/2025/QH15, Luật số 103/2025/QH15, Luật số 105/2025/QH15, Luật số 106/2025/QH15 và Luật số 128/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 45/2019/QH14, Luật số 59/2020/QH14, Luật số 13/2022/QH15, Luật số 19/2023/QH15, Luật số 34/2024/QH15, Luật số 46/2024/QH15, Luật số 85/2025/QH15 và Luật số 142/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ tụng hành chính số 93/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 55/2019/QH14, Luật số 34/2024/QH15, Luật số 85/2025/QH15 và Luật số 102/2025/QH15;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học Tòa án nhân dân tối cao;

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Thông tư quy định về nội quy phiên tòa, phiên họp và việc ghi âm lời nói, ghi hình ảnh diễn biến phiên tòa, phiên họp.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định nguyên tắc tổ chức phiên tòa, phiên họp; nội quy phiên tòa, phiên họp và việc ghi âm lời nói, ghi hình ảnh diễn biến phiên tòa, phiên họp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hội đồng xét xử, Hội đồng giải quyết việc dân sự, Hội đồng giải quyết vụ việc khác (sau đây gọi là Hội đồng xét xử); Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, chủ trì phiên họp; người tiến hành tố tụng khác, người tham gia tố tụng; người tham dự phiên tòa, phiên họp và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong quá trình Tòa án giải quyết, xét xử vụ án, vụ việc theo quy định của pháp luật.

2. Phiên tòa xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm vụ án hình sự; vụ án hành chính; vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

3. Phiên họp xem xét, giải quyết vụ án, vụ việc bao gồm:

a) Phiên họp giải quyết việc dân sự quy định tại Điều 369 của Bộ luật Tố tụng dân sự; phiên họp phúc thẩm giải quyết việc dân sự quy định tại Điều 375 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

b) Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải quy định tại Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

c) Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại quy định tại Điều 138 của Luật Tố tụng hành chính;

d) Phiên họp phúc thẩm đối với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị quy định tại Điều 362 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 314 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 243 của Luật Tố tụng hành chính;

đ) Phiên họp giải quyết vụ việc phục hồi, phá sản theo quy định của Luật Phục hồi, phá sản;

e) Phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định của Pháp lệnh Trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân;

g) Phiên họp xem xét, quyết định đưa đi cai nghiện bắt buộc theo quy định của Pháp lệnh Trình tự, thủ tục Tòa án nhân dân xem xét, quyết định việc đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đi cai nghiện bắt buộc;

h) Phiên họp khác do Tòa án tổ chức theo quy định của pháp luật về tố tụng.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức phiên tòa, phiên họp

1. Phiên tòa, phiên họp phải được tiến hành đúng thời gian, địa điểm, thành phần người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng.

2. Phiên tòa, phiên họp được tổ chức công khai, trừ trường hợp xét xử kín theo quy định của pháp luật.

3. Việc tổ chức phiên tòa, phiên họp phải bảo đảm an toàn, an ninh, trật tự, văn minh, sự tôn nghiêm của Tòa án; bảo đảm cho việc giải quyết, xét xử được tiến hành bình đẳng, dân chủ, nghiêm minh, khách quan, đúng pháp luật; góp phần tuyên truyền, giáo dục công dân chấp hành pháp luật, tôn trọng những quy tắc của đời sống xã hội, nâng cao ý thức đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật khác.

4. Tòa án, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm chuẩn bị điều kiện cần thiết để tổ chức phiên tòa, phiên họp; cơ quan, tổ chức, cá nhân phải nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật và yêu cầu của Tòa án khi tổ chức phiên tòa, phiên họp.

5. Trình tự, thủ tục, diễn biến phiên tòa, phiên họp phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật và sự điều hành của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, chủ trì phiên họp.

6. Việc tổ chức phiên tòa, phiên họp đối với vụ án, vụ việc có người chưa thành niên tham gia tố tụng phải bảo đảm đơn giản, thân thiện, phù hợp với tâm lý, lứa tuổi, mức độ trưởng thành, khả năng nhận thức và bảo đảm lợi ích tốt nhất cho người chưa thành niên.

Điều 4. Nội quy phiên tòa, phiên họp

Nội quy phiên tòa, phiên họp (sau đây gọi là nội quy phiên tòa) bao gồm:

1. Khi đến tham gia, tham dự phiên tòa, phiên họp, mọi người phải xuất trình giấy triệu tập, giấy mời, căn cước công dân, giấy tờ tùy thân, giấy tờ có liên quan khác và chấp hành việc kiểm tra an ninh của lực lượng có trách nhiệm bảo vệ phiên tòa, phiên họp;

2. Nghiêm cấm mang vào phiên tòa, phiên họp vũ khí, hung khí, chất nổ, chất cháy, chất độc, chất phóng xạ, đồ vật cấm lưu hành, truyền đơn, khẩu hiệu và tài liệu, đồ vật khác ảnh hưởng đến an toàn, an ninh, trật tự, sự tôn nghiêm của phiên tòa, phiên họp trừ vật chứng của vụ án, vụ việc phục vụ cho công tác giải quyết, xét xử hoặc vũ khí, công cụ hỗ trợ được người có thẩm quyền mang theo để làm nhiệm vụ bảo vệ phiên tòa, phiên họp;

3. Không được mang thiết bị truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ, trao đổi thông tin, dữ liệu số; ví dụ: điện thoại, máy tính bảng, máy tính xách tay, đồng hồ thông minh, thiết bị khác có tính năng ghi âm, ghi hình, thu phát tín hiệu điện tử (sau đây gọi là thiết bị điện tử) vào phiên tòa, phiên họp, trừ trường hợp Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, chủ trì phiên họp cho phép. Việc sử dụng thiết bị điện tử để tra cứu hồ sơ, tài liệu, chứng cứ, xét xử trực tuyến hoặc ghi âm lời nói, ghi hình ảnh diễn biến phiên tòa, phiên họp đối với người tham gia tố tụng phải theo sự điều hành của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, chủ trì phiên họp;

4. Việc ghi âm lời nói được thực hiện trong thời gian diễn ra phiên tòa, phiên họp; việc ghi hình ảnh tại phiên tòa, phiên họp chỉ được thực hiện trong thời gian khai mạc phiên tòa, phiên họp và tuyên án, công bố quyết định.

Việc ghi âm lời nói trong thời gian diễn ra phiên tòa, phiên họp; ghi hình ảnh của Hội đồng xét xử, Thẩm phán trong thời gian khai mạc phiên tòa, phiên họp và tuyên án, công bố quyết định phải được sự đồng ý của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, chủ trì phiên họp; trường hợp ghi âm lời nói, ghi hình ảnh của người tiến hành tố tụng khác, người tham gia phiên tòa, phiên họp thì phải được sự đồng ý của họ và Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, chủ trì phiên họp.

Người tham gia, tham dự phiên tòa, phiên họp không được truyền phát trực tiếp, trực tuyến; không được thông tin sai sự thật; không được thông tin làm ảnh hưởng đến sự độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, vô tư, khách quan trong xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc; không được vi phạm quyền con người của bị cáo, bị hại,

đương sự, người tham gia tố tụng khác trong vụ án, vụ việc; không được vi phạm quy định về giữ bí mật theo quy định của pháp luật;

5. Người tham gia phiên tòa, phiên họp khi vào phiên tòa, phiên họp phải xuất trình giấy triệu tập, giấy mời, căn cước công dân, giấy tờ tùy thân, giấy tờ có liên quan khác cho Thư ký phiên tòa, phiên họp tại bàn thư ký chậm nhất là 15 phút trước giờ khai mạc; trường hợp đến muộn phải xuất trình giấy tờ thông qua lực lượng làm nhiệm vụ bảo vệ phiên tòa, phiên họp. Người dưới 16 tuổi không được vào phiên tòa, phiên họp, trừ trường hợp được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa, phiên họp;

6. Người tham gia phiên tòa, phiên họp phải có mặt tại phiên tòa, phiên họp trong suốt thời gian xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc trừ trường hợp được Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, chủ trì phiên họp đồng ý cho rời khỏi phiên tòa, phiên họp khi có lý do chính đáng;

7. Người tiến hành tố tụng mặc trang phục theo quy định; người tham gia tố tụng, người tham dự phiên tòa, phiên họp mặc trang phục nghiêm chỉnh và chấp hành đúng vị trí trong phiên tòa, phiên họp theo quy định;

8. Người tham gia, tham dự phiên tòa, phiên họp phải có thái độ tôn trọng Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng khác, người tham gia tố tụng khác; giữ trật tự và tuân thủ sự điều hành của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, chủ trì phiên họp; đứng dậy khi Hội đồng xét xử, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, chủ trì phiên họp vào phòng xử án và khi tuyên án; bị cáo phải đứng khi Kiểm sát viên công bố cáo trạng hoặc quyết định truy tố. Những người vì lý do sức khỏe có thể được Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, chủ trì phiên họp cho phép ngồi;

9. Người tham gia, tham dự phiên tòa, phiên họp không được đội mũ, nón, đeo kính màu, sử dụng thiết bị điện tử trừ trường hợp có lý do chính đáng và được sự cho phép của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, chủ trì phiên họp; không hút thuốc, ăn uống hoặc có hành vi khác ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, sự tôn nghiêm của phiên tòa, phiên họp;

10. Chỉ những người được Hội đồng xét xử, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, chủ trì phiên họp đồng ý mới được hỏi, trả lời hoặc phát biểu. Người hỏi, trả lời hoặc phát biểu phải đứng dậy. Bị cáo đang bị tạm giam chỉ được tiếp xúc với người bào chữa cho mình, việc tiếp xúc với người khác phải được Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, chủ trì phiên họp cho phép;

11. Người tham gia phiên tòa, phiên họp trực tuyến tại điểm cầu thành phần phải chấp hành nội quy phiên tòa; phải để thiết bị điện tử ở trạng thái mở; khi được yêu cầu thì mới được hỏi, trả lời hoặc phát biểu; không được tạo hình ảnh, tap âm khác gây ảnh hưởng đến phiên tòa, phiên họp;

12. Người vi phạm nội quy phiên tòa thì tùy tính chất, mức độ vi phạm có thể bị cấm vào hoặc buộc rời khỏi phiên tòa, phiên họp; bị xử phạt vi phạm hành chính, tạm giữ hành chính; bị yêu cầu, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Cấm vào phiên tòa, phiên họp hoặc buộc rời khỏi phiên tòa, phiên họp đối với người vi phạm nội quy phiên tòa

1. Người vi phạm nội quy phiên tòa bị cấm vào phiên tòa, phiên họp khi có hành vi vi phạm thuộc một trong các trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3, 5 và 9 Điều 4 của Thông tư này.

2. Người vi phạm nội quy phiên tòa quy định tại các khoản 3, 4, 6, 7, 8, 9, 10 và 11 Điều 4 của Thông tư này thì Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, chủ trì phiên họp căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm xem xét, quyết định buộc người vi phạm nội quy phiên tòa rời khỏi phiên tòa, phiên họp.

Điều 6. Thực hiện quyết định của Hội đồng xét xử, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, chủ trì phiên họp

Lực lượng Cảnh sát bảo vệ phiên tòa, lực lượng quân đội nhân dân và các lực lượng khác làm nhiệm vụ bảo vệ phiên tòa, phiên họp có trách nhiệm giữ gìn an toàn, an ninh, trật tự, văn minh và sự tôn nghiêm của phiên tòa, phiên họp và thi hành quyết định của Hội đồng xét xử, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, chủ trì phiên họp về việc buộc người vi phạm rời khỏi phiên tòa, phiên họp; tạm giữ người gây rối trật tự tại phiên tòa, phiên họp hoặc quyết định khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Về ghi âm lời nói, ghi hình ảnh diễn biến phiên tòa, phiên họp quy định tại khoản 4 Điều 141 của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân

1. Tòa án thực hiện ghi âm lời nói, ghi hình ảnh diễn biến phiên tòa, phiên họp trong trường hợp cần thiết để phục vụ nhiệm vụ chuyên môn trong công tác sau đây:

- a) Rút kinh nghiệm trong thực tiễn xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc;
- b) Tổng kết thực tiễn, bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử;
- c) Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ;
- d) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật;
- đ) Trường hợp khác do Chánh án Tòa án quyết định.

2. Việc ghi âm lời nói, ghi hình ảnh diễn biến phiên tòa, phiên họp tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo kế hoạch, chương trình công tác do cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc do Chánh án Tòa án giải quyết vụ án, vụ việc đó xem xét, quyết định.

3. Người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này quyết định việc cung cấp kết quả ghi âm lời nói, ghi hình ảnh diễn biến phiên tòa, phiên họp. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, kết quả ghi âm lời nói, ghi hình ảnh diễn biến phiên tòa, phiên họp được cung cấp khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Nội dung ghi âm lời nói, ghi hình ảnh diễn biến phiên tòa, phiên họp phải là thông tin được phép tiếp cận, thông tin đáp ứng đủ điều kiện cung cấp theo quy

định của pháp luật về tiếp cận thông tin, pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, pháp luật khác có liên quan;

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp là người có quyền được yêu cầu cung cấp theo quy định của pháp luật;

c) Bảo đảm quyền con người của bị cáo, bị hại, đương sự, người tham gia tố tụng khác trong vụ án, vụ việc; bảo đảm quy định về giữ bí mật theo quy định của pháp luật;

d) Không làm ảnh hưởng đến việc xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc; sự độc lập, vô tư, khách quan, chỉ tuân theo pháp luật của Tòa án.

4. Việc sử dụng kết quả ghi âm lời nói, ghi hình ảnh diễn biến phiên tòa, phiên họp phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Tuân thủ quy định của pháp luật tiếp cận thông tin, pháp luật bảo vệ dữ liệu cá nhân, pháp luật khác có liên quan về việc sử dụng thông tin;

b) Phản ánh chính xác, đầy đủ, trung thực; không làm sai lệch nội dung thông tin đã được cung cấp; không được thông tin sai sự thật, xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín, gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản, xâm phạm các quyền và lợi ích hợp pháp khác của cơ quan, tổ chức, cá nhân; không được vi phạm quy định về giữ bí mật theo quy định của pháp luật; không được phát tán, truyền phát trực tiếp, trực tuyến, mua bán trái pháp luật thông tin được cung cấp;

c) Thông tin được cung cấp không được sử dụng để chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phá hoại chính sách đoàn kết, xúc phạm tín ngưỡng, tôn giáo, kỳ thị, chia rẽ dân tộc, kích động bạo lực, gây ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh quốc gia, đối ngoại, trật tự, an toàn xã hội;

d) Bảo quản, lưu trữ kết quả ghi âm lời nói, ghi hình ảnh diễn biến phiên tòa, phiên họp theo quy định của pháp luật về lưu trữ;

đ) Yêu cầu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Bảng nội quy phiên tòa, phiên họp có nội dung quy định tại Điều 4 của Thông tư này phải được niêm yết công khai tại trụ sở Tòa án, Cổng thông tin điện tử của Tòa án và hình thức công khai khác thuận lợi cho người tiến hành tố tụng, người tham gia, tham dự phiên tòa, phiên họp tiếp cận.

2. Chánh án Tòa án nhân dân, Tòa án quân sự các cấp, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc đề xuất, kiến nghị, đề nghị phản ánh về Tòa án nhân dân tối cao (Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học) để tổng hợp, báo cáo Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét, quyết định.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2026.
2. Thông tư số 02/2017/TT-TANDTC ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Quy chế tổ chức phiên tòa hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành. *phuc*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để giám sát);
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Ủy ban Dân nguyện và Giám sát của Quốc hội;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ (02 bản);
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Công an;
- Thành viên HĐTP TANDTC;
- Các đơn vị thuộc TANDTC (để thực hiện);
- Tòa án nhân dân và Tòa án quân sự các cấp (để thực hiện);
- Cổng thông tin điện tử TANDTC (để đăng tải);
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT (TANDTC, Vụ PC&QLKH TANDTC-P1).

CHÁNH ÁN



Nguyễn Văn Quảng